

CÁC YẾU TỐ LÀM GIẢM ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG ANH

DEMOTIVATING FACTORS IN ENGLISH LANGUAGE LEARNING

Vũ Thị Mai Quế, Hồ Ngọc Trung*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 4/5/2020

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 2/11/2020

Ngày bài báo được duyệt đăng: 26/11/2020

Tóm tắt: Bài viết nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh tại Khoa Kinh tế Trường Đại Học Mở Hà Nội với hai mục tiêu nghiên cứu chính: (i) xác định các yếu tố làm giảm động lực học tiếng Anh của người học, và (ii) đưa ra một số gợi ý nhằm giảm thiểu các yếu tố gây giảm động lực học tiếng Anh của sinh viên. Các yếu tố gây mất hứng thú học tiếng Anh tại Khoa Kinh tế Trường Đại học Mở Hà Nội được xác định không chỉ xuất phát từ chính người học, mà còn liên quan trực tiếp đến đội ngũ giảng dạy cũng như điều kiện học tập.

Từ khóa: yếu tố làm giảm động lực; hứng thú; tiếng Anh.

Abstract: The article is aimed at enhancing the quality of English language learning at Faculty of Economics, Hanoi Open University. The objectives of the article are: (i) exploring the demotivating factors in English learning, and (ii) recommending some solutions to the problem. Three groups of demotivating factors addressed in the paper include: those from the learners, those from the teachers and those from the learning conditions.

Keywords: demotivating factors, motivation, English language learning.

1. Trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay, tiếng Anh chiếm một vị thế quan trọng với tư cách là một ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp nhiều nhất trên thế giới. Ở Việt Nam, tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng nhiều chỉ sau tiếng Việt và đã trở thành một trong những môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân. Ở Khoa Kinh Tế, Trường Đại học Mở Hà Nội, môn học tiếng Anh có thời lượng 12 tín chỉ, trong đó tiếng Anh cơ bản 3 cấp độ chiếm 9 tín chỉ, 3 tín chỉ còn lại dành cho tiếng Anh chuyên ngành. Có thể nhận

thấy mặc dù tiếng Anh là một môn học quan trọng trong chương trình đào tạo, là một trong những chuẩn đầu ra của ngành, nhưng động lực học tập của sinh viên chưa được cao, và hệ lụy là kết quả học tập môn học này hiện nay chưa được như kỳ vọng.

2. Động lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công hay thất bại trong quá trình học ngôn ngữ của bất kỳ ai. Chúng ta dễ dàng nhận thấy một người học sẽ thành công nếu họ có động lực rõ ràng. Điều này đã được chứng minh trong rất nhiều các công trình của các nhà

* Trường Đại học Mở Hà Nội

nghiên cứu. Tuy vậy, cũng cần hiểu rõ một người học có động lực là như thế nào; làm thế nào để chúng ta có thể tạo, phát triển và duy trì động lực cho người học? Các nhà nghiên cứu giáo dục, các nhà sư phạm và người học đều đồng ý rằng động lực đóng một vai trò quan trọng trong quá trình lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai. Dornyei (2001) cho rằng quan niệm về động lực được thể hiện trong hành vi của người học. Pourhosein Gilakjani, Leong, and Saburi (2012) tin rằng thành công của bất kỳ hành động nào cũng phụ thuộc rất nhiều vào mức độ cố gắng cũng như sự khao khát đạt được thành công. Các nhà nghiên cứu xem đây là một yếu tố tâm lý – và gọi đó là động lực. Động lực đó chính là lực tạo ra, thúc đẩy, và mô phỏng hành vi. Động lực là yếu tố quan trọng chỉ ra khả năng giao tiếp của người học. Nói đến động lực là nhắc đến sự kết hợp của sự nỗ lực, khao khát và thái độ mong muốn đạt được mục tiêu trong việc học ngôn ngữ. Động lực mang lại cho người học mục tiêu và phương hướng cụ thể và rõ ràng. Do đó, nó đóng vai trò then chốt trong việc học ngoại ngữ. Thiếu động lực sẽ gây ra một số khó khăn nhất định cho người học. Không có khao khát học, người học sẽ thất bại trong việc đạt kết quả học ngôn ngữ.

Huitt (2001) cho rằng, chú trọng đến động lực sẽ giúp người học phát huy được động lực học tập của họ, thậm chí kể cả khi họ không đủ động lực bên trong bản thân mình. Có thể nói rằng, các nhà sư phạm cần lưu ý đến tầm quan trọng của động lực trong quá trình học ngôn ngữ của người học và qua những sự thay đổi này, họ sẽ giúp người học phát triển được động lực của chính mình.

Tiếp cận vấn đề theo hướng định tính, với phương pháp nghiên cứu chủ đạo

là miêu tả, bài viết nhằm mục đích nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh tại Khoa Kinh tế Trường Đại Học Mở Hà Nội; với hai mục tiêu nghiên cứu cụ thể sau:

- Xác định các yếu tố làm giảm động lực/ hứng thú học tiếng Anh của người học;
- Đưa ra một số gợi ý nhằm giảm thiểu các yếu tố gây giảm động lực học tiếng Anh của sinh viên.

Kết quả của bài viết này sẽ giúp làm rõ thêm các yếu tố gây giảm hứng thú học ngoại ngữ của sinh viên; chỉ ra được sự ảnh hưởng của động lực và yếu tố giảm động lực trong học tiếng Anh, qua đó có thể nhìn nhận và đánh giá lại tầm quan trọng của động lực cũng như ảnh hưởng của yếu tố giảm động lực trong thực trạng học tiếng Anh tại Khoa Kinh Tế hiện nay. Thêm vào đó, giáo viên và người học có thể hiểu rõ nhau hơn, từ đó đưa ra mục tiêu rõ ràng để việc dạy và học trở nên hiệu quả.

3. Có thể nói giảm động lực là một thuật ngữ khá mới mẻ trong việc học ngoại ngữ hiện nay. Theo từ điển Cambridge trực tuyến (<https://dictionary.cambridge.org/>), khái niệm giảm động lực (demotivation) được hiểu là sự thiếu đi hứng thú và nhiệt tình khi làm một việc gì đó. Còn theo Deci & Ryan (1985), giảm động lực có nghĩa là không có động lực do cá nhân thiếu hứng thú và cảm giác không có năng lực khi đối mặt với một hoạt động nào đó. Dornyei (2001) định nghĩa giảm động lực như là tác động ngoại biên – làm giảm hoặc xóa bỏ nền tảng động lực của một dự định mang tính hành vi hay của một hành động đang diễn ra. Dornyei (2001) cũng coi sự giảm mức độ tự tin và thái độ tiêu cực như là yếu tố giảm động lực trong quá trình học ngoại ngữ. Sự mất đi hứng thú và niềm vui trong việc

học có thể xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân, ví dụ như từ giáo viên và phương pháp giảng dạy, từ chính người học, từ điều kiện học tập như điều kiện cơ sở vật chất và nội dung sách giáo khoa.

Cũng giống như động lực thì yếu tố làm giảm động lực cũng được chia làm hai kiểu: yếu tố làm giảm động lực xuất phát từ bên trong và yếu tố làm giảm động lực xuất phát từ bên ngoài.

Yếu tố giảm động lực trong học tập là những tác nhân gây giảm sút về động lực thúc đẩy học tập và làm việc của một cá nhân. Những người học thiếu động lực đã từng được khuyến khích, nhưng trong một số tình huống, từ lý do khách quan không mong muốn, họ lại bị mất đi động lực. Sự giảm động lực có thể xuất hiện khi một cá nhân có một sự lựa chọn khác hoặc khi họ bị mất tập trung. Ví dụ như, một sinh viên thay vì đi đến trường thì lại quyết định ở nhà chơi games.

Sự giảm động lực có thể được hiểu như một quá trình giảm sút hoặc làm yếu đi sự hứng thú và động lực của người học và liên quan đến yếu tố cả trong lẫn ngoài.

Theo các nhà nghiên cứu (Dornyei, 2001; Harmer, 2001), yếu tố giảm động lực của người học được chia thành ba nhóm chính như sau:

3.1. Nhóm yếu tố liên quan đến giáo viên

Theo Dornyei (2001), các yếu tố làm giảm động lực liên quan đến người dạy bao gồm: thái độ, cam kết, năng lực và phương pháp giảng dạy.

3.1.1. Thái độ của giáo viên: Động lực học của sinh viên bị ảnh hưởng trực tiếp bởi giáo viên. Hiện nhiên thái độ của giáo viên có tác động không nhỏ đến động lực và thành tích của người học. Việc

người dạy cần giúp người học có được động lực bên trong trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo viên khi mà giáo viên là người có trách nhiệm đưa ra các hoạt động trong lớp, phương pháp giảng dạy và tổ chức lớp học. Do đó, tất cả các hoạt động trong quá trình dạy và học đều nên điều chỉnh theo nhu cầu cá nhân, sở thích và khả năng của người học. Người dạy cần duy trì thái độ tích cực đối với môn học của mình. Theo William & Burden (1997), bên cạnh việc giáo viên trình bày nội dung môn học cho sinh viên thì thái độ và tính cách tích cực của giáo viên có ảnh hưởng hết sức quan trọng đến động lực học của sinh viên. Hầu hết người học có xu hướng bị tác động bởi cảm xúc cá nhân của họ đối với những người dạy của mình. Vì vậy, cách nhìn nhận về người dạy và về sự tương tác giữa giáo viên và người học có ảnh hưởng lớn đến động lực học. Người học có thể sẽ cảm thấy nản chí, mất phương hướng, lơ đãng, lười biếng, buồn ngủ và mất trật tự trong giờ học. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình giảng dạy và hiệu quả tiếp thu của người học. Nói theo cách khác, thái độ thiếu tích cực của giáo viên ảnh hưởng trực tiếp đến sự giảm động lực học tập của sinh viên.

3.1.2. Sự cam kết theo dõi quá trình tiến bộ của sinh viên: Giáo viên là người cần tìm các biện pháp thúc đẩy động lực học cho sinh viên. Ngoài ra giáo viên cũng nên phát triển mối quan hệ tương tác giữa thầy và trò. Để làm được điều này người dạy cần phải tìm hiểu về sở thích, thói quen, kế hoạch và mục tiêu tương lai cũng như mục đích học ngoại ngữ của người học là gì. Khi đã nắm được đặc điểm của sinh viên thì giáo viên có thể tổ chức các hoạt động và phương pháp giảng dạy phù hợp với từng cá nhân sinh viên, từ đó tạo nên mối quan hệ đáng tin cậy giữa thầy và trò, không khí lớp học sẽ trở nên thoải mái

hơn, sinh viên sẽ yêu thích môn học, tạo nhiều động lực để họ tham gia các hoạt động giảng dạy, từ đó sẽ đạt kết quả tích cực cho việc dạy và học.

Thực tế cho thấy, những giáo viên nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công việc ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ tích cực của người học đối với môn học.

3.1.3. Năng lực của người dạy:
Năng lực của giáo viên có thể được hiểu là khả năng đáp ứng thành công một yêu cầu bao gồm về mặt thái độ, giá trị và kiến thức. Nói một cách khác, đây cũng chính là yếu tố quyết định đến quá trình giảng dạy tiếng Anh của giáo viên. Các hình thức năng lực mà một giáo viên cần có là: năng lực sư phạm, năng lực cá nhân, năng lực xã hội và năng lực nghề nghiệp.

Năng lực sư phạm của người dạy đó là khả năng tổ chức việc học của sinh viên bao gồm việc hiểu rõ đặc điểm tính cách sinh viên, thiết kế bài giảng, tiến hành và đánh giá kết quả và quá trình tiến bộ của sinh viên.

Năng lực cá nhân của người dạy là khả năng hòa nhập cộng đồng và thể mạnh về tính cách của người giáo viên đó được xem như một hình mẫu cho sinh viên và cộng đồng noi theo.

Năng lực xã hội là khả năng đóng vai trò một bộ phận của cộng đồng xã hội, để có thể giao tiếp thành công và hiệu quả với sinh viên, cộng đồng và các ngành nghề khác.

Năng lực nghề nghiệp bao gồm khả năng hiểu rõ môn học mình dạy một cách sâu sắc về cấu trúc, khái niệm, cũng như tư duy khoa học hỗ trợ cho lĩnh vực mình đang giảng dạy

3.1.4. Phương pháp giảng dạy:
Động lực học tập của sinh viên chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ giáo viên và các phương pháp giảng dạy được áp dụng trong lớp học. Sinh viên luôn mong muốn

có được sự chỉ dẫn rõ ràng từ giáo viên để họ có thể hiểu bài và tiếp thu kiến thức tốt hơn trong quá trình học. Động lực đóng vai trò như một lực đẩy khuyến khích người học học tập, giúp người học làm quen và nắm vững các kỹ năng mới cũng như giúp họ lĩnh hội kiến thức dễ dàng hơn. Hơn nữa, giáo viên cũng như phương pháp giảng dạy của họ ảnh hưởng rất lớn đến động lực học của sinh viên. Sự hứng thú đến trường và mong muốn được học tập có thể bị tác động bởi các yếu tố như giáo viên, người hướng dẫn, chương trình học và bạn bè trong lớp. Trong đó, giáo viên là yếu tố quan trọng nhất do họ đóng vai trò then chốt trong quá trình học của sinh viên. Những lời nhận xét từ giáo viên tác động trực tiếp đến động lực học tập của sinh viên vì giáo viên là người luôn theo sát quá trình phát triển cá nhân họ.

Các nghiên cứu chỉ ra rằng những phương pháp dạy học truyền thống chưa thực sự hiệu quả. Việc sử dụng cách học tập chủ động (explicit learning/conscious learning) trong lĩnh vực ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng có vẻ rất hạn chế trong việc giúp sinh viên đạt được kết quả. Thực tế cho thấy các bài giảng đa phương tiện lại mang lại hiệu quả cao hơn rất nhiều so với phương pháp dạy truyền thống. Giáo viên với thái độ tích cực là một thành tố quan trọng trong việc tạo nên môi trường học tập tương trợ. Giáo viên tự tin có phương pháp quản lý lớp học giúp thúc đẩy người học tích cực và tạo động lực cho họ trong việc học tập. Những giáo viên ưu tiên phương pháp dạy lấy người học làm trung tâm có môi trường giảng dạy tích cực hơn so với phương pháp truyền thống. Nếu người dạy nói quá nhiều sẽ tạo ít cơ hội cho người học có thể phát biểu hoặc tự mình luyện tập.

while being unconcerned with their students' performance.

3.2. Nhóm yếu tố liên quan đến người học

3.2.1. *Người học thiếu vốn từ vựng cơ bản*: Từ vựng là một phần không thể thiếu trong học ngoại ngữ. Thiếu vốn từ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của các kỹ năng ngôn ngữ. Không có từ vựng, người học không thể diễn đạt ngôn từ trong nói và viết, sẽ gặp khó khăn trong kỹ năng nghe và đọc hiểu. Thực tế chứng minh, người học sẽ gặp vấn đề trong việc học do họ phải đối mặt với những từ mới và không hiểu nghĩa. Do vậy, nắm vững từ vựng luôn là một kỹ năng mang tính thử thách đối với người học, họ cần được tiếp cận với các phương pháp học từ để có thể tiếp thu ý nghĩa của từ một cách nhanh và hiệu quả nhất. Có một số phương pháp được sử dụng phổ biến như học qua danh sách từ (word list), qua thẻ từ (flash cards).

Việc thiếu vốn từ luôn là một trở ngại đối với người học đặc biệt trong giai đoạn đầu. Người học sẽ bị mất động lực học nếu như họ không nắm vững vốn từ vựng tương đối. Vì vậy họ cảm thấy rất khó khăn khi tiếp cận bài giảng của giáo viên và thấy rằng việc học của bản thân ngày càng khó khăn.

3.2.2. *Người học thiếu tự tin*: Thiếu tự tin là một vấn đề tâm lý thông thường của người học ngoại ngữ. Một số nguyên nhân gây ra sự thiếu tự tin đó là: người học đọc ít, ít trải nghiệm, không hiểu bài giảng... từ đó họ cảm thấy lo lắng và bất an khi trình bày ý kiến trước thầy cô và các bạn trong lớp học. Ngoài ra việc sợ mắc lỗi, xấu hổ, lo lắng, thiếu động lực học cũng gây khó khăn cho người học. Họ sợ bị các bạn trong lớp cười khi bản thân mình mắc lỗi, sợ không thể trình bày quan điểm của mình bằng tiếng Anh, hoặc họ sẽ kết hợp với tiếng mẹ đẻ... Tâm lý sợ mắc

lỗi và sợ bị cười nhạo khiến cho người học trở nên tự ti, ít tích cực trong việc học và thậm chí họ sẽ chọn cách im lặng, không tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp. Hầu hết người học tin rằng việc giáo viên động viên họ và giúp họ trở nên tự tin hơn khi nói tiếng Anh là rất cần thiết.

3.2.3. *Thái độ của người học*: Thái độ đối với việc học là yếu tố quan trọng quyết định mức độ hiệu quả, khả năng giải quyết vấn đề, niềm tin với việc học, động lực bên trong và bên ngoài trong quá trình học của người học.

Đối với giáo viên, một sinh viên giỏi là một người luôn háo hức và luôn có thái độ tích cực với việc học của mình. Các nghiên cứu cho thấy, những sinh viên có động lực học tốt hơn sẽ có được nhiều thành công hơn, thái độ tích cực của sinh viên đối với việc hấp thụ kiến thức sẽ khuyến khích họ học môn học tốt hơn. Vì lý do đó mà thái độ tích cực và tiêu cực của người học đối với việc học có những ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công trong học tập của họ.

Thái độ tích cực giúp người học hiểu rõ bản chất vấn đề của môn học, khiến cho họ cởi mở với việc học, gia tăng sự mong đợi từ quá trình học tập, đồng thời giúp làm giảm mức độ lo lắng. Ví dụ như, những sinh viên có thái độ tích cực đối với môn Đọc có nhiều lợi thế được điểm cao hơn so với cá nhân có thái độ tiêu cực. Theo Bruner (1966), khao khát học tập khiến người học thâm thấu kiến thức hiệu quả hơn. Phương pháp học, sự mong đợi và nỗ lực vượt qua sự lo lắng trong học tập để thành công là rất quan trọng đối với người học. Nỗ lực của sinh viên trong việc học là con đường duy nhất giúp họ tiếp cận kiến thức. Học có nghĩa là thay đổi. Người học tiếp thu thông tin bằng việc thiết lập cấu trúc của nó trong tư duy. Vì thế, trong quá trình thiết lập cấu trúc thông

tin đó, thái độ tích cực hoặc tiêu cực trong việc chấp nhận thông tin, cởi mở với việc học hay không, mức độ mong đợi cao hay thấp, mức độ lo lắng nhiều hay ít đều là các nhân tố quan trọng.

Tình trạng quá lo lắng sẽ khiến người học giảm động lực học, dẫn đến kết quả học tập giảm sút, và sau cùng nó ảnh hưởng đến sự tự tin của cá nhân người học một cách tiêu cực. Vì vậy giáo viên đóng vai trò thiết yếu trong việc hỗ trợ sinh viên phát triển thái độ tích cực đối với việc học. Theo Brookfield (1985), giáo viên không chỉ là người truyền tải kiến thức mà còn là người tạo dựng lòng khao khát học tập cho sinh viên. Mục tiêu học tập không chỉ gói gọn trong việc nhớ kiến thức, mà hơn nữa đó là việc sinh viên nghiên cứu kiến thức, nỗ lực học tập và trên hết đó là khả năng sử dụng kiến thức đó mới là quan trọng.

3.3. Nhóm yếu tố liên quan đến điều kiện học tập

3.3.1. Cơ sở vật chất: Theo Harmer (2001), cơ sở vật chất bao gồm kích cỡ lớp học, bàn, ghế, ánh sáng, nhiệt độ, và bảng viết - những yếu tố này có tác động lớn đến quá trình học cũng như thái độ của sinh viên đối với môn học. Môi trường học lý tưởng cho sinh viên đó là một nơi đầy đủ ánh sáng, thoáng đãng và sự phạm, như vậy sẽ giúp họ có động lực và không bị phân tán trong việc học. Giáo viên cần bố trí và trang trí phòng học ngoại ngữ với nhiều màu sắc tươi sáng, để giúp sinh viên cảm thấy thoải mái khi tương tác trong giờ học. Trong một phòng học, ấn tượng ban đầu hết sức quan trọng, sự bày trí như: các posters, hoa lá, đồ vật ngộ nghĩnh dễ thương có ảnh hưởng mạnh mẽ đến bầu không khí học tập.

Một khía cạnh khác của cơ sở vật chất đó là số lượng sinh viên trong lớp. Nếu lớp học quá đông, sinh viên cảm thấy khoảng trống riêng tư của mình bị ảnh

hưởng. Do vậy, giáo viên cần lưu ý đến vấn đề này bằng cách bố trí lại trang thiết bị trong lớp để tránh cho sinh viên cảm thấy quá đông đúc.

3.3.2. Không khí lớp học: Bầu không khí của lớp học có mối quan hệ trực tiếp với phong cách quản lý lớp của giáo viên. Giáo viên tạo ra một lớp học sáng tạo bằng việc áp dụng các kỹ năng quản lý lớp phù hợp nhằm thiết lập mối quan hệ tích cực và chủ động giữa thầy và trò. Do đó, người dạy cần phải tạo ra một lớp học hấp dẫn, định hướng theo nhiệm vụ và có tổ chức chặt chẽ; trong đó mối quan hệ thầy trò dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau, hợp tác và hài lòng. Giáo viên và người học chịu trách nhiệm đạt mục tiêu chung. Vì vậy, trong một lớp học có tổ chức, sự mong đợi về hành vi và học tập rất dễ nhận thấy và giáo viên là người đưa các ý niệm và môn học phù hợp.

Giám sát và quản lý lớp học là một trong những nhiệm vụ của giáo viên vì kỷ luật và quản lý lớp học rất có hiệu quả trong việc tạo ra môi trường học tập tốt để có thể đạt được mục tiêu giáo dục. Giáo viên nên tạo không khí lớp học vui tươi và hấp dẫn cũng như cần có thái độ kỷ luật đối với những trường hợp vi phạm, duy trì mối quan hệ mang tính xây dựng và tương trợ với sinh viên trong và ngoài lớp.

Giáo viên cần thu hút người học bằng các cách khác nhau và tập trung sự chú ý của họ bằng cách nhấn mạnh vào tầm quan trọng của môn học trong công việc sau này; sử dụng tín hiệu rõ ràng để thu hút người học, duy trì hoạt động trong lớp luôn tích cực và vui vẻ, đưa ra các các hoạt động giảng dạy phong phú sẽ thu hút được sự tập trung của người học.

Ngoài ra giáo viên cần đảm bảo người học cảm thấy thoải mái và nhấn mạnh rằng họ sẽ không bị phê bình khi mắc lỗi. Giáo viên cũng cần có khiếu hài

hước để tạo bầu không khí nhẹ nhàng, bớt căng thẳng cho người học.

Lightbown & Spada (2001) nhấn mạnh rằng bầu không khí lớp học mang tính hỗ trợ và không căng thẳng giúp phát huy động lực học của sinh viên. Ngược lại, không khí lớp học mà không thân thiện, ít thoải mái và buồn tẻ sẽ dẫn đến giảm động lực học tập

Người dạy cũng cần lưu ý sinh viên rất nhạy cảm với sự tự tin của bản thân. Nếu họ thiếu tự tin họ sẽ cảm thấy bất an, giảm tương tác và sau cùng mất động lực học tập.

3.3.3. *Sách giáo khoa*: Sách học đóng một vai trò không thể thiếu trong quá trình dạy và học. Hutchinson and Torres (1994) cho rằng sách học cung cấp lượng kiến thức trong các bài học trên lớp qua các hoạt động khác nhau, qua việc đọc và giải thích.

Theo Morgan (2014), sách giáo khoa được thiết kế đẹp sẽ khiến cho việc học trở nên vui vẻ, tập trung, có ý nghĩa và thúc đẩy nhận thức của người học qua nhiều kênh như xử lý hình ảnh, tư duy phân tích, gợi mở câu hỏi, đưa giả thiết và đọc hiểu và tư duy.

Sách học không chỉ đưa ra khung chương trình cho giáo viên theo đó đạt mục tiêu của khóa học mà còn được xem như cẩm nang hướng dẫn giáo viên thực hiện các hoạt động dạy học. Nội dung của sách ảnh hưởng trực tiếp đến những gì giáo viên dạy và những gì người học học. Nội dung sách cũng nên phong phú, chứa các nguồn tài nguyên như sách bài tập, CDs, videos, đường link, trang web hỗ trợ, v.v... sẽ khiến cho việc học trở nên hứng thú và hấp dẫn hơn.

Thực tế cho thấy không phải sách giáo khoa nào cũng đủ hấp dẫn và thú vị

để lôi cuốn người học. Dornyei (2001) nhận định rằng khi người học không thích sách giáo khoa, họ sẽ coi đó là những cuốn sách tệ nhất trên thế giới.

4. Từ các yếu tố làm giảm động lực học của sinh viên, qua thực tế dạy và học tiếng Anh tại Khoa Kinh tế Trường Đại học Mở Hà Nội, bài viết đưa ra một số gợi ý sau:

4.1. Xét về yếu tố liên quan đến người học, sự thiếu từ vựng, và thái độ đối với việc học cũng như sự thiếu tự tin; giáo viên cần hướng dẫn người học phương pháp ghi nhớ từ mới, bằng việc ghi nhớ những từ thông dụng, quan trọng ở nơi làm việc, nơi học, ở nhà và bên ngoài xã hội. Người học cần được tiếp xúc với tiếng Anh càng nhiều càng tốt thông qua việc đọc báo chí, xem tin tức, phim ảnh, nghe đài hoặc âm nhạc. Trong lớp học giáo viên nên tổ chức các hoạt động như trò chơi về từ vựng để tăng sự tương tác giữa thầy và trò cũng như giữa trò và trò, giúp xóa bỏ khoảng cách, tạo môi trường học tập thân thiện hỗ trợ lẫn nhau, cũng như tăng sự tự tin của người học.

4.2. Xét về cơ sở vật chất, rất nhiều sinh viên cho rằng lớp học của họ quá đông và họ dường như không được giáo viên của mình quan tâm nhiều trong giờ học, họ dường như bị lãng quên; bên cạnh đó sự chênh lệch về trình độ cũng khiến họ cảm thấy khó khăn. Do vậy giáo viên cần chia nhóm trình độ, sau đó thiết lập các quy định, tổ chức các hoạt động học như làm việc theo cặp, theo nhóm để người học có thể tương tác với nhau được nhiều hơn. Giáo viên cũng cần lựa chọn chương trình phù hợp và cân bằng khi dạy lớp học đông với nhiều trình độ không đồng đều.

4.3. Xét về yếu tố liên quan đến người dạy, rất nhiều sinh viên cảm thấy phương pháp giảng dạy cũng như cam kết

của giáo viên chưa khuyến khích họ học nhiều lắm. Trong lớp học, giáo viên phải là người luôn thúc đẩy sinh viên học tập bằng thái độ dạy thân thiện, tích cực của mình, sự hướng dẫn, giải thích cụ thể và rõ ràng, cũng như tinh thần nhiệt tình hết mình trong công việc, giúp xóa bỏ sự bất an, lo lắng của người học. Giáo viên có thể động viên thành tích của người học qua lời khen hoặc sự động viên khích lệ tinh thần để họ không ngừng phấn đấu trong quá trình học. Bên cạnh đó, người dạy cần tìm hiểu về điều kiện vật chất và tinh thần của người học để nắm được điểm mạnh, điểm yếu, mục tiêu,... nhằm điều chỉnh và phát huy năng lực của họ. Ngoài ra, cũng không nên tạo áp lực và căng thẳng quá nhiều cho người học bởi vì điều đó đôi khi sẽ làm giảm hoặc mất đi động lực của người học.

5. Kết luận

Có thể khẳng định động lực học tập có ảnh hưởng quyết định đến thành công của người học tiếng Anh. Do vậy, việc nhận diện và khắc phục các yếu tố gây giảm động lực học tiếng Anh là rất cần thiết, cần được thực hiện một cách triệt để. Tại Khoa Kinh tế Trường Đại học Mở Hà Nội các yếu tố gây mất hứng thú học tiếng Anh được xác định không chỉ xuất phát từ chính người học (năng lực, thái độ), mà còn liên quan trực tiếp đến đội ngũ giảng dạy cũng như điều kiện học tập. Vì vậy, để nâng cao hứng thú học tiếng Anh cho sinh viên, thiết nghĩ các giải pháp khắc phục được đề cập trong bài viết này cần phải được triển khai một cách đồng bộ và toàn diện.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Dornyei, Z. (2001). *Motivational Strategies in the Language Classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Pourhosein Gilakjani, A., & Ahmadi, S. M. (2011). The Relationship between L2 Reading Comprehension and

Schema Theory: A Matter of Text Familiarity. *International Journal of Information and Education Technology*,

Pourhosein Gilakjani, A., & Ahmadi, S. M. (2011). The Relationship between L2 Reading Comprehension and

Schema Theory: A Matter of Text Familiarity. *International Journal of Information and Education Technology*,

[2]. Pourhosein Gilakjani, A., Leong, L. M., & Saburi, N. B. (2012). *Study on the Role of Motivation in Foreign Language Learning and Teaching*. I.J. Modern Education and Computer Science, 7, 9-16.

[3]. Deci, E. L. & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic Motivation and Self-Determination in Human Behavior*. Newyork: Plenum.

[4]. Harmer, J. (2001). *The Practice of English Language Teaching*. London: Longman.

[5]. William, M. & Burden, R. L. (1997). *Psychology for Language Teachers: A Social Constructivist Approach*. Cambridge: Cambridge University Press.

[6]. Bruner, J. S. (1966). *Toward a Theory of Instruction*. Cambridge: Harvard University Press.

[7]. Brookfield, S. (1985). *A Critical Definition of Adult Education*. *Adult Education Quarterly*, Vol 36, pp.44-49

[8]. Lightbown, P. M. & Spada, N. (2001). *Factors Affecting Second Language Learning*. London: Routledge.

[9]. Hutchinson and Torres (1994). *The Textbook as Agent of Change*. *ELT Journal*.

[10]. Morgan, K. E. (2014). *Decoding the Visual Grammar of Selected South African History Textbooks*. *Journal of Educational Media, Memory, and Society*, 6(1), 59–78.

[11]. Huitt, W. (2001). *Motivation to learn: An overview*. *Educational Psychology Interactive*. Valdosta, GA: Valdosta State University.

Nguồn Internet:

[12]. <https://dictionary.cambridge.org/>

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Mở Hà Nội

Email: hongoc trung74@hou.edu.vn